

Bản án số: 41/2020/HS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Ôn

Ông Bùi Văn Thiệu

- ***Thư ký phiên tòa bà:*** Bà Hoàng Thị Khánh Linh - Thư ký tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Trung H, sinh ngày 05 tháng 07 năm 1999 tại xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: xóm Bần Chao, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch Việt Nam; con ông: Bùi Văn Ph, sinh năm 1979 và bà Quách Thị Th, sinh năm 1978; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không, Tiền sự: Ngày 08/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2020. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Trung H: Ông Vũ Đình Hùng -Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Ông Bùi Văn R, sinh năm 1948; Trú tại: xóm Duộng Rềnh, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị Bùi Thị H, sinh năm 1977; Trú tại: xóm Bần Chao, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Bùi Thu H, sinh năm 1996; Trú tại: xóm Éo, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

+ Anh Bùi Văn G, sinh năm 1993; Trú tại: xóm Duộng Rềnh, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Quách Văn D, sinh năm 1992; Trú tại: xóm Éo, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17/4/2020, Bùi Trung H điều khiển xe mô tô BKS 28N1-154.56 (thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn Phóng là bố đẻ của Bùi Trung H) đi từ nhà đến gia đình ông Bùi Văn Sur là người cùng xóm để ăn cơm. Khi đi qua nhà bà Bùi Thị H ở cùng xóm, H nhìn thấy nhà bà H đóng cửa, không có ai ở nhà trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, ngay lập tức H dựng xe mô tô ở ngoài đường rồi đi bộ vòng vào phía sau ngôi nhà, thấy nhà bếp không có cánh cửa, H liền đi vào bên trong nhà thì phát hiện có 01 tủ gỗ, hai bên có hai ngăn khóa, ở giữa là ngăn kính để ở sát tường. Lúc này, H đi ra gian bếp lấy được 01 con dao mũi nhọn, dài khoảng 56,5cm vào để cạy tủ, thì nhìn thấy 01 chiếc Tua vít dài khoảng 31cm để tại ngăn kính ở giữa tủ, nên H đặt con dao xuống nền nhà, sau đó dùng tay phải cầm lấy Tua vít lên và cạy cánh tủ bên phải hướng từ gian bếp đi vào, cạy mở được cánh tủ H lục soát bên trong chiếc chăn để ở trong ngăn tủ thì phát hiện ở dưới chăn có tiền mặt là 6.500.000đ gồm 11 tờ mệnh giá 500.000đ, 05 tờ tiền mệnh giá 200.000đ đều là loại tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành. H lấy toàn bộ số tiền trên đút vào túi quần và đóng cửa tủ lại, rồi ra xe tẩu thoát khỏi hiện trường.

Ngày 11/6/2020, Bùi Trung H tiếp tục thực hiện thêm một vụ trộm cắp tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-1280, vỏ màu đen của gia đình ông Bùi Văn R, sau đó H đã nhờ Quách Văn D bán cho anh Bùi Văn G là chủ cửa hàng điện thoại di động có địa chỉ tại xóm Duộng Rềnh, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình với giá 110.000đ, bán được điện thoại, Dương đưa toàn bộ số tiền 110.000đ cho H.

Toàn bộ số tiền 6.500.000đ trộm cắp được của bà H và 110.000đ tiền bán điện thoại của ông R, H tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 22/ĐG-HĐĐG ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA- 1280, vỏ màu đen, giá trị còn lại tại thời điểm bị xâm hại là 233.333đ.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) con dao dạng dao một lưỡi, mũi nhọn, dài khoảng 46,5cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại dài 31,5cm, phần rộng nhất là 4,5cm, chuôi dao được làm bằng gỗ dài 15cm, hai đầu được gắn khâu dao bằng kim loại đã được niêm phong theo quy định;

- 01 (Một) chiếc tua vít dài 31cm, tay nắm làm bằng nhựa dài 12,5cm, đầu trên tay nắm có gắn ốc kim loại để gắn một đầu thân tua vít, ốc kim loại có chiều

sâu 4cm, thân tua vít làm bằng kim loại màu trắng dài khoảng 22,5cm, phần thân hình lục giác có hai đầu một đầu đẹp và một đầu bốn cạnh, đã được niêm phong theo quy định.

Các vật chứng nêu trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn bảo quản chờ xử lý theo quy định.

- 01 Chiếc điện thoại NOKIA-1280, vỏ màu đen, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Bùi Văn R. Xét thấy việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã trả lại cho ông Bùi Văn R theo quy định của pháp luật.

Đối với Quách Văn D là người đã bán chiếc điện thoại do Bùi Trung H, tuy nhiên Dương không biết đó là tài sản do Bùi Trung H trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn không đề cập xử lý trong vụ án.

Đối với Bùi Văn G là chủ cửa hàng điện thoại di động đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-1280 của Quách Văn D với giá 110.000đ. Do Giới không biết chiếc điện thoại trên do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn không đề cập xử lý trong vụ án.

Về phần dân sự:

Người bị hại là bà Bùi Thị H đã nhận lại số tiền 6.500.000đ của bị cáo Bùi Trung H nên không có yêu cầu đề nghị gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Bùi Trung H.

Người bị hại là ông Bùi Văn R đã nhận lại 01 chiếc điện thoại di động NOKIA-1280, vỏ màu đen nên không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn G đã nhận lại số tiền 110.000đ nên không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Bùi Trung H đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai hoàn toàn phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 11/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã quyết định truy tố bị cáo Bùi Trung H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi vị đại diện Viện Kiểm sát công bố bản luận tội. Nội dung bản luận tội đã phân tích tính chất, mức độ, nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Bùi Trung H từ 09 đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 BLHS đối với bị cáo do không có tính khả thi.

Vật chứng của vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Đối với Quách Văn D là người đã bán chiếc điện thoại do Bùi Trung H trộm cắp mà có, tuy nhiên Dương không biết đó là tài sản do Bùi Trung H trộm cắp mà có nên đề nghị HĐXX không đề cập xử lý trong vụ án.

Đối với Bùi Văn G là chủ cửa hàng điện thoại di động đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-1280 của Quách Văn D với giá 110.000đ. Do Giới không biết chiếc điện thoại trên do phạm tội mà có nên đề nghị HĐXX không đề cập xử lý trong vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo thông nhất về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị xử phạt bị cáo 09 tháng tù. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo ra đầu thú, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả mà bị cáo gây ra; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo có ông ngoại được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố, nội dung bản luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Viện Kiểm sát. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về hòa nhập với cộng đồng.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả thẩm vấn và tranh tụng công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người tham gia tố tụng là bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai

của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020, Bùi Trung H đã 02 lần có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã lén lút trộm cắp tài sản cụ thể: Lần 1: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17/4/2020 đã trộm cắp tài sản là tiền mặt với số tiền 6.500.000đ của gia đình bà Bùi Thị H; Lần 2: Vào ngày 11/6/2020 Bùi Trung H tiếp tục trộm cắp tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-1280, vỏ màu đen trị giá 233.333đ của gia đình ông Bùi Văn R. Tổng giá trị cả 02 lần Bùi Trung H trộm cắp là 6.733.333đ. Bùi Trung H là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của Bùi Trung H phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố bị cáo Bùi Trung H về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bùi Trung H là bị cáo có tuổi đời còn rất trẻ, nhưng chân lười lao động. Để có tiền tiêu sài cá nhân, H đã trộm cắp tài sản của ông Bùi Văn R và bà Bùi Thị H. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, không những gây thiệt hại về tài sản mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi của mình gây ra.

[4]. Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có tiền sự: Ngày 08/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng đến ngày 04/3/2020 chấp hành xong.

[5]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Xét về nhân thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, sinh ra và lớn lên làm ăn tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không chịu tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã bất chấp pháp luật, đi vào con đường phạm tội. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo ra đầu thú, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả mà bị cáo gây ra; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo có ông ngoại được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6]. Về mức hình phạt: HĐXX xét thấy bị cáo có nhân thân xấu cần phải áp dụng một hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị

cáo đã thực hiện, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để dẫn đi giáo dục đối với bị cáo. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, xử phạt bị cáo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8]. Trong vụ án này, anh Quách Văn D và anh Bùi Văn G là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Do anh Dương và anh Giới không biết nguồn gốc chiếc điện thoại di động NOKIA- 1280 là do H trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa cũng cần nhắc nhở rút kinh nghiệm chung trong công tác phòng chống tội phạm.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại di động NOKIA-1280, vỏ màu đen: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Bùi Văn R. Đây là tài sản thuộc sở hữu của ông R. Sau khi nhận lại tài sản, ông R không có ý kiến gì và việc xử lý vật chứng nêu trên của cơ quan điều tra đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bị hại là chị Bùi Thị H không yêu cầu nhận lại vật chứng do không còn giá trị sử dụng là: 01 con dao dạng dao một lưỡi, mũi nhọn, dài khoảng 46,5cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại dài 31,5cm, phần rộng nhất là 4,5cm, chuôi dao được làm bằng gỗ dài 15cm, hai đầu được gắn khâu dao bằng kim loại và 01 chiếc tua vít dài 31cm, tay nắm làm bằng nhựa dài 12,5cm, đầu trên tay nắm có gắn ốc kim loại để gắn một đầu thân tua vít, ốc kim loại có chiều sâu 4cm, thân tua vít làm bằng kim loại màu trắng dài khoảng 22,5cm, phần thân hình lục giác có hai đầu một đầu dẹp và một đầu bốn cạnh, đã được niêm phong theo quy định. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vật chứng thu giữ được cần tịch thu tiêu hủy.

[11]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12]. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Trung H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Bùi Trung H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dạng dao một lưỡi, mũi nhọn, dài khoảng 46,5cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại dài 31,5cm, phần rộng nhất là 4,5cm, chuôi dao được làm bằng gỗ dài 15cm, hai đầu được gắn khâu dao bằng kim loại và 01 chiếc tua vít dài 31cm, tay nắm làm bằng nhựa dài 12,5cm, đầu trên tay nắm có gắn ốc kim loại để gắn một đầu thân tua vít, ốc kim loại có chiều sâu 4cm, thân tua vít làm bằng kim loại màu trắng dài khoảng 22,5cm, phần thân hình lục giác có hai đầu một đầu đẹp và một đầu bốn cạnh, đã được niêm phong theo quy định.

Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/9/2020 giữa Công an huyện Lạc Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/NQ-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án. Bị cáo Bùi Trung H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Chi cục thi hành án huyện Lạc Sơn;
- Sở tư pháp;
- UBND xã Quyết Thắng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ + án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định “Án phí do người bị kết án hoặc Nhà nước chịu theo quy định của pháp luật. Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án. Mức án phí và căn cứ áp dụng được ghi rõ trong bản án, quyết định của Tòa án”. Các quy định khác của Bộ luật tố tụng hình sự đều không quy định “trừ trường hợp được miễn, giảm án phí hình sự”.

Ngoài ra, khi quy định về án phí hình sự (hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm) thì Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quy định các trường hợp phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mà không quy định “trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm”.

Như vậy, đối với án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm thì người bị kết án không được miễn, kể cả khi có đơn đề nghị và thuộc trường hợp quy định tại

điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 (Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ).

